

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U M T
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày: 06.01.2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Tấn Đạt
2. Ông Lê Hoàng Vũ

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Danh Ngọc Q (tên gọi khác N), sinh năm 1995;

Nơi sinh: huyện C, tỉnh Kiên Giang;

Nơi đăng ký NKTT: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Kiên Giang;

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Kiên Giang;

Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa 7/12; dân tộc khomer; giới tính nam; quốc tịch Việt Nam;

Con ông Đào Văn V, sinh năm 1975 và bà Thị Cẩm H, sinh năm 1978;
Vợ không; con không;
Tiền sự không;
Tiền án: không;
Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2020 cho đến nay (có mặt).

* Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: không

* Người bào chữa cho bị cáo:

* **Bị hại: 1/ Ông Trần Văn D**, sinh năm 1964 (có mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1969 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đồng cư trú: Ấp G, xã K, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

* Người làm chứng: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 10 năm 2020, Danh Ngọc Q (N) tham gia Đoàn hội chợ của anh Nguyễn Văn M tại ấp G, xã K, huyện U M T. Đến khoảng 20 giờ ngày 09/10/2020, Q phát hiện nhà ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Y, trú ấp G, xã K (đối diện với Đoàn hội chợ) đi vắng nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Q dùng tay bẻ thanh sắt cửa sổ bên hông nhà (bên trái) của ông D và bà Y rồi đột nhập vào nhà, lén lút lấy trộm 01 sợi dây chuyền vàng 18K, khối lượng 13,1706 gam (3,51 chỉ); 01 mặt dây chuyền vàng 18K, có gắn đá màu xanh tổng khối lượng bao gồm cả đá 4,5375 gam (0,46 chỉ); số tiền Việt Nam là 17.912.000 đồng; 18 thẻ card điện thoại, loại thẻ Viettel mệnh giá mỗi thẻ 10.000 đồng/thẻ; 01 thẻ card điện thoại, loại thẻ Viettel mệnh giá 20.000 đồng/thẻ; 02 thẻ card điện thoại, loại thẻ Vietnammobile mệnh giá mỗi thẻ 20.000 đồng/thẻ và 04 cái điện thoại di động, kiểu bàn phím (đã hư hỏng hoàn toàn, không còn giá trị). Sau khi lấy trộm được tài sản, Q để vào túi quần rồi tẩu thoát qua đường cửa sổ. Sau đó, Q đi bộ đến nhà của anh Lê Tấn Ng, Q nói dối với anh Ng “*ông nội của Q chết nhờ Ng chạy xe ôm chở đến cầu Bàu Môn để tìm xe ôm đi về nhà*”, do tưởng là thật nên anh Ng điều khiển xe mô tô chạy chở Q đến cầu Bàu Môn, huyện AB với số tiền 200.000 đồng. Sau đó, Q tiếp tục đi xe ôm đến chợ Minh Lương, thuộc huyện C, tỉnh

Kiên Giang, Q gọi cho Phan Mạnh P (là bạn) điều khiển xe mô tô chạy đến chở Q đến thành phố R, tỉnh Kiên Giang, tại đây Q sử dụng số tiền trộm cắp mà có dùng vào việc ăn nhậu hết 4.500.000 đồng, cho P mượn 5.000.000 đồng (P không biết tiền do Q trộm cắp mà có), chi cho việc đi xe ôm và ăn uống hết khoảng 500.000 đồng.

Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, ông D và bà Y về nhà phát hiện bị mất trộm tài sản nên đến Công an xã K trình báo. Đến khoảng 12 giờ ngày 10/9/2020, Công an huyện U M T điều tra phát hiện và tìm gặp Q đang lẩn trốn tại phường VL, thành phố R, mời về trụ sở làm việc Q thừa nhận toàn bộ hành vi của mình. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ tài sản do Q trộm cắp mà có gồm: 01 sợi dây chuyền vàng 18K, 01 mặt dây chuyền vàng 18K, 21 thẻ card điện thoại, số tiền còn lại là 5.812.000 đồng và 04 điện thoại di động như đã nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 5464/C09B ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Phân viện khoa học Hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận như sau:

- Mẫu dây chuyền được niêm phong gửi giám định có chứa thành phần Vàng (Au), hàm lượng Vàng (Au) 62,24%, khối lượng 13,1706gam.

- Mặt dây chuyền có gắn đá xanh, có chứa thành phần Vàng (Au), hàm lượng Vàng (Au) 60,85%, tổng khối lượng bao gồm cả đá 4,5375 gam.

* Kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐG ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự Ủy ban nhân dân huyện U M T kết luận:

- 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, kiểu chữ cong, có chiều dài 56cm. Đã giám định xác định được khối lượng 13,1706 gam (3,51 chỉ), hàm lượng Vàng 62,24%. Tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 11.232.000 đồng.

- 01 mặt dây chuyền có gắn đá màu xanh, kiểu hình Oval, xung quanh có viền hoa văn bằng kim loại màu vàng. Đã giám định xác định được tổng khối lượng bao gồm cả đá 4,5375 gam, phần kim loại màu vàng (0,46 chỉ) có hàm lượng vàng: 60,85%. Tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là: 1.472.000 đồng.

- 18 thẻ card điện thoại, loại thẻ Viettel mệnh giá mỗi thẻ 10.000 đồng/thẻ. Tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 180.000 đồng.

- 01 thẻ card điện thoại, loại thẻ Viettel mệnh giá 20.000 đồng/thẻ. Tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 20.000 đồng.

- 02 thẻ card điện thoại, loại thẻ Vietnammobile mệnh giá mỗi thẻ 20.000 đồng/thẻ. Tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 40.000 đồng.

Tổng cộng tài sản bị chiếm đoạt được định giá có giá trị là **12.944.000** đồng

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt có giá trị được Hội đồng thống nhất thẩm định là: **12.944.000** đồng (mười hai triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

*** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:**

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U M T thu giữ và đã trả lại cho các bị hại ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Y gồm: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, kiểu chữ cong, có chiều dài 56cm, trên đầu dây chuyền có đóng số và chữ “75T” khối lượng 13,1706 gam (3,51 chỉ); 01 mặt dây chuyền có gắn đá màu xanh, kiểu hình Oval, xung quanh có viền hoa văn bằng kim loại màu vàng, đầu mặt dây chuyền có đóng chữ “N.HEN” tổng khối lượng bao gồm cả đá 4,5375 gam, phần kim loại màu vàng 0,46 chỉ; 18 thẻ card điện thoại, loại thẻ Viettel mệnh giá mỗi thẻ 10.000 đồng/thẻ; 01 thẻ card điện thoại, loại thẻ Viettel mệnh giá 20.000 đồng/thẻ; 02 thẻ card điện thoại, loại thẻ Vietnammobile mệnh giá mỗi thẻ 20.000 đồng/thẻ; tiền Việt Nam: 10.812.000 đồng (trong đó P tự nguyện giao nộp 5.000.000 đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu “itel” model: it 2123, vỏ màu đen, tình trạng đã bị hư hỏng không còn sử dụng được; 01 điện thoại di động nhãn hiệu “Viettel” model: V6314, vỏ màu đen viền màu xanh, tình trạng điện thoại đã bị hư hỏng không còn sử dụng được; 01 điện thoại di động nhãn hiệu “Viettel” model: V6403, vỏ màu xám, tình trạng máy điện thoại đã bị hư hỏng không còn sử dụng được và 01 điện thoại di động nhãn hiệu “K-Touch” model: A610, vỏ màu trắng, tình trạng điện thoại đã bị hư hỏng không còn sử dụng được.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKSUMT ngày 16/12/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Danh Ngọc Q về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Danh Ngọc Q phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, b khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Danh Ngọc Q từ 06 đến 09 tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập.

Về biện pháp tư pháp: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U M T thu giữ và đã trả lại cho các bị hại ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Y gồm: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, kiểu chữ cong, có chiều dài 56cm, trên đầu dây chuyền có đóng số và chữ “75T” khối lượng 13,1706 gam (3,51 chỉ); 01 mặt dây chuyền có gắn đá màu xanh, kiểu hình Oval, xung quanh có viền hoa văn bằng kim loại màu vàng, đầu mặt dây chuyền có đóng chữ “N.HEN” tổng khối lượng bao gồm cả đá 4,5375 gam, phần kim loại màu vàng 0,46 chỉ; 18 thẻ card điện thoại, loại thẻ Viettel mệnh giá mỗi thẻ 10.000 đồng/thẻ; 01 thẻ card điện thoại, loại thẻ Viettel mệnh giá 20.000 đồng/thẻ; 02 thẻ card điện thoại, loại thẻ Vietnammobile mệnh giá mỗi thẻ 20.000 đồng/thẻ; tiền Việt Nam: 10.812.000 đồng (trong đó P tự nguyện giao nộp 5.000.000 đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu “itel” model: it 2123, vỏ màu đen, tình trạng đã bị hư hỏng không còn sử dụng được; 01 điện thoại di động nhãn hiệu “Viettel” model: V6314, vỏ màu đen viền màu xanh, tình trạng điện thoại đã bị hư hỏng không còn sử dụng được; 01 điện thoại di động nhãn hiệu “Viettel” model: V6403, vỏ màu xám, tình trạng máy điện thoại đã bị hư hỏng không còn sử dụng được và 01 điện thoại di động nhãn hiệu “K-Touch” model: A610, vỏ màu trắng, tình trạng điện thoại đã bị hư hỏng không còn sử dụng được.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã thỏa thuận và bồi thường xong cho các bị hại ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Y số tiền 15.000.000 đồng, các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T đã truy tố. Bị cáo Q không ý kiến.

Bị hại ông D và bà Y không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự ông D xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo trình bày: Bị cáo Q xin được giảm nhẹ hình phạt sớm về gia đình, hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện U M T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai bị cáo, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Do cần có tiền để chi xài cá nhân, nên khoảng 20 giờ ngày 09/10/2020, Danh Ngọc Q đã lợi dụng đêm tối, nhà của ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Y, thuộc ấp G, xã K, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang mọi người đi vắng nhà, không người trông giữ, Q lén lút đột nhập vào nhà, lấy trộm của ông D và bà Y 01 sợi dây chuyền vàng 18K, 01 mặt dây chuyền vàng 18K, tiền Việt Nam 17.912.000 đồng và 21 thẻ card điện thoại, trị giá theo kết luận định giá tổng cộng là **30.856.000 đồng**.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án tổng giá trị tài sản bị cáo Danh Ngọc Q chiếm đoạt trị giá là **30.856.000 đồng**; đủ cơ sở kết luận. Bị cáo Danh Ngọc Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo lợi dụng nhà và tài sản của bị hại không người trông giữ, bị cáo lén lút, đột nhập vào nhà bị hại D và Y, bị cáo đã trộm cắp được tài sản gồm tiền mặt là 17.912.000 đồng; 01 sợi dây chuyền vàng 18K, 01 mặt dây chuyền vàng 18K và 21 thẻ card điện

thoại của các bị hại D và Y, mục đích bị cáo trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân (tiêu xài vào việc ăn nhậu của bị cáo). Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, thể hiện sự tham lam, lười lao động, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại.

Do đó cần thiết phải xử lý nghiêm đối với bị cáo tương xứng với tính chất và hậu quả hành vi phạm tội, để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt sống có ích cho xã hội, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với hành vi của Phan Mạnh P được bị cáo cho mượn số tiền 5.000.000đ và bị cáo trả tiền chơi game, ăn uống cho Lê Quang Th là 500.000đ. P và Th không biết số tiền trên do bị cáo phạm tội mà có nên hành vi của P và Th không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, không xử lý.

Đối với hành vi của Lê Tấn Ng chạy xe ôm chở Q đến cầu Bầu Môn và có nhận của bị cáo 200.000đ tiền công chạy xe. Ng không biết số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên hành vi của Ng không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, không xử lý.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Danh Ngọc Q không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện U M T về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Q từ 06 đến 09 tháng tù là căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

Bị cáo Q xin được giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử ghi nhận và xem xét khi nghị án.

[6] Về các vấn đề khác:

- Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử nghĩ:

Trả lại cho các bị hại ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Y các vật chứng đã thu giữ.

Ngày 10/10/2020 và ngày 19/11/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U M T đã trả các vật chứng đã thu giữ cho hai bị hại D và Y xong.

- Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình bị cáo đã thỏa thuận và bồi thường xong cho các bị hại ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Y số tiền 15.000.000 đồng, các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

- Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có việc làm ổn định không có thu nhập nên miễn không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Tuyên bố: Bị cáo Danh Ngọc Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Danh Ngọc Q 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2020.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

3. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử:

Trả lại cho các bị hại ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Y vật chứng đã thu giữ gồm:

01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, kiểu chữ cong, có chiều dài 56cm, trên đầu dây chuyền có đóng số và chữ “75T” khối lượng 13,1706 gam (3,51 chỉ);

01 mặt dây chuyền có gắn đá màu xanh, kiểu hình Oval, xung quanh có viền hoa văn bằng kim loại màu vàng, đầu mặt dây chuyền có đóng chữ “N.HEN” tổng khối lượng bao gồm cả đá 4,5375 gam, phần kim loại màu vàng 0,46 chỉ;

18 thẻ card điện thoại, loại thẻ Viettel mệnh giá mỗi thẻ 10.000 đồng/thẻ;

01 thẻ card điện thoại, loại thẻ Viettel mệnh giá 20.000 đồng/thẻ;

02 thẻ card điện thoại, loại thẻ Vietnammobile mệnh giá mỗi thẻ 20.000 đồng/thẻ;

Tiền Việt Nam: 10.812.000 đồng (trong đó P tự nguyện giao nộp 5.000.000 đồng);

01 điện thoại di động nhãn hiệu “itel” model: it 2123, vỏ màu đen, tình trạng đã bị hư hỏng không còn sử dụng được;

01 điện thoại di động nhãn hiệu “Viettel” model: V6314, vỏ màu đen viền màu xanh, tình trạng điện thoại đã bị hư hỏng không còn sử dụng được;

01 điện thoại di động nhãn hiệu “Viettel” model: V6403, vỏ màu xám, tình trạng máy điện thoại đã bị hư hỏng không còn sử dụng được;

01 điện thoại di động nhãn hiệu “K-Touch” model: A610, vỏ màu trắng, tình trạng điện thoại đã bị hư hỏng không còn sử dụng được.

Ngày 10/10/2020 và ngày 19/11/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U M T đã trả các vật chứng trên cho hai bị hại D và Y xong.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình bị cáo đã thỏa thuận và bồi thường xong cho các bị hại ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Y số tiền 15.000.000 đồng, các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

5. Án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Danh Ngọc Q phải án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đ.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U M T;
- Cơ quan điều tra Công an huyện U M T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện U M T;
- Trại tạm giam;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U M T;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tấn Lợi